

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP II**

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ Y TẾ

Mã số: CK 62727605

Hà Nội - 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Quản lý y tế

Mã số: CK 62727605

Thời gian đào tạo: 2 năm

Hà Nội - 2022

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
1.1. Lý do và căn cứ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.....	3
1.2. Thời gian xây dựng/cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo.....	3
1.3. Cơ sở đào tạo.....	4
1.4. Tên chương trình đào tạo.....	4
1.5. Trình độ đào tạo.....	4
1.6. Chuyên ngành đào tạo.....	4
1.7. Mã số.....	4
1.8. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo.....	4
1.9. Phương thức đào tạo.....	4
1.10. Hình thức tuyển sinh và môn thi tuyển sinh.....	4
1.11. Tiêu chuẩn tốt nghiệp chương trình.....	4
1.12. Văn bằng sau khi tốt nghiệp.....	4
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
2.1. Mục tiêu chung.....	4
2.2. Mục tiêu cụ thể.....	5
3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	5
3.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	5
3.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	6
3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	6
4. CHUẨN ĐẦU VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
5. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP.....	7
6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP.....	9
7.1. Phương pháp giảng dạy.....	9
7.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập.....	9
8. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ.....	9
8.1. Đội ngũ giảng viên và trợ giảng.....	9
8.2. Đội ngũ nhân lực hỗ trợ.....	14

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU.....	14
9.1. Điều kiện và cơ sở giảng dạy, học tập của Viện/Khoa/Bộ môn.....	14
9.2. Đồ dùng, trang thiết và công nghệ dạy học.....	14
9.3. Học liệu.....	14
10. MA TRẬN LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	18
10.1. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kiến thức và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo.....	18
10.2. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kỹ năng và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo.....	18
10.3. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo.....	20
11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	20
12. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KÈM THEO BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	22

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Lý do và căn cứ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp II chuyên ngành Quản lý y tế được Trường Đại học Y xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực theo trình độ và chuyên ngành quản lý. Việc rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo nhằm đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuẩn chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng trên cơ sở các văn bản pháp lý sau:

1. Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
2. Nghị định 111/2017-NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Thủ tướng chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;
3. Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 30/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2020-2025;
4. Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế quản lý và đào tạo Chuyên khoa cấp II sau đại học;
5. Quyết định số 1274/YT-K2ĐT ngày 25/02/2005 của Bộ Y tế về chương trình, tài liệu dạy/học và danh mục đào tạo sau đại học;
6. Quyết định số 31/QĐ-ĐHYHN ngày 08/01/2015 của Trường Đại học Y Hà Nội về việc thông qua và ban hành chương trình đào tạo CKII, CKII và BSNT.
7. Công văn số 1828/BYT-K2ĐT ngày 12/02/2018 của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII, BSNT năm học 2018-2019.
8. Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 04/04/2020 của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII, BSNT năm 2020.
9. Thông tư 08/2021/TT-BGD&ĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;
10. Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng và thẩm định ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học.

1.2. Thời gian xây dựng/cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo

- Thời gian cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo:
- Quyết định ban hành:

1.3. Cơ sở đào tạo

- Trường Đại học Y Hà Nội (Hanoi Medical University)

1.4. Tên chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp II chuyên ngành quản lý y tế

1.5. Trình độ đào tạo

Chuyên khoa cấp II

1.6. Chuyên ngành đào tạo

- Chuyên ngành đào tạo (tên tiếng Việt): Quản lý y tế
- Chuyên ngành đào tạo (tên tiếng Anh): Health management

1.7. Mã số

CK 62727605

1.8. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Hệ tập trung: 2 năm
- Hệ tập trung theo chứng chỉ: từ 3 - 5 năm

1.9. Phương thức đào tạo

Tổ chức đào tạo theo niên chế hoặc tập trung theo chứng chỉ

1.10. Hình thức tuyển sinh và môn thi tuyển sinh

Theo quy định của Trường Đại học Y Hà Nội được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh sau đại học hàng năm

1.11. Tiêu chuẩn tốt nghiệp chương trình

- Có đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định hiện hành:
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của nhà Trường;
- Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.12. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Bằng Chuyên khoa cấp II.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Khóa học Chuyên khoa 2 Quản lý y tế trang bị kiến thức và kỹ năng quản lý và lãnh đạo nhằm nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý. Học viên sau khi học xong có kiến thức cơ bản về pháp luật và chính sách y tế liên quan đến quản lý y tế và có khả năng vận dụng chính sách và pháp luật; có khả năng vận dụng được các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong huy động cộng đồng và các bên liên quan, phân tích và quản lý hiệu quả nguồn lực, xây dựng văn hoá tổ chức, cải tiến chất lượng dịch vụ y tế; có phẩm chất đạo đức trong thực hành chuyên môn quản lý y tế; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch trong quá trình vận hành cơ sở y tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

MT1. Xây dựng và Quản lý các kế hoạch, dự án y tế

MT2. Vận dụng được khoa học hành vi và văn hóa tổ chức trong quản lý và phát triển nhân lực của tổ chức.

MT3. Vận dụng được các kỹ năng lãnh đạo, quản lý cơ bản như: lãnh đạo và quản lý sự thay đổi, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng quản lý xung đột, kỹ năng giao tiếp.

MT4. Áp dụng được mô hình quản lý chất lượng vào đảm bảo, cải tiến chất lượng dịch vụ y tế.

MT5. Phân tích được vai trò của các bên liên quan, huy động cộng đồng và vận động chính sách trong giải quyết các vấn đề sức khỏe.

MT6. Áp dụng chính sách, luật pháp trong quản lý y tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1.1. Kiến thức

PLOK1. Phân tích các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực Quản lý y tế (Lập kế hoạch y tế, Quản lý chất lượng, Quản lý bệnh viện, Quản lý nguồn lực, chương trình dự án y tế).

PLOK2. Giải thích các nguyên lý, học thuyết cơ bản trong Chính sách y tế và Luật pháp y tế

PLOK3. Giải thích các kiến thức liên ngành có liên quan đến lĩnh vực dịch tễ học, dân số, giáo dục và nâng cao sức khỏe, kinh tế y tế, tâm lý học quản lý, sức khỏe toàn cầu, phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp sư phạm lâm sàng.

3.1.2. Kỹ năng

PLOS1. Sử dụng dữ liệu, thông tin trong giải quyết các vấn đề quản lý y tế một cách khoa học

PLOS2. Xây dựng kế hoạch y tế dựa trên bằng chứng;

PLOS3. Quản lý hiệu quả các nguồn lực y tế;

PLOS4. Ứng dụng các kết quả nghiên cứu và công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý y tế;

PLOS5. Truyền đạt các bằng chứng khoa học trong quản lý y tế với người cùng ngành và với những người khác.

PLOS6. Phân tích quá trình chính sách, các công cụ thực thi chính sách, phân tích chính sách

PLOS7. Cải tiến chất lượng dịch vụ y tế.

PLOS8. Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3.1.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

PLOA1. Tâm huyết, trung thực, khách quan trong việc cung cấp các bằng chứng cho lập kế hoạch và quản lý các hoạt động/ chương trình y tế.

PLOA2. Tôn trọng và tuân thủ chính sách pháp luật hiện hành.

PLOA3. Công bằng trong sử dụng các nguồn lực/ vận dụng chính sách y tế trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng

PLOA4. Nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng bằng chứng trong quản lý bệnh viện

PLOA5. Luôn sẵn sàng cập nhật kiến thức, đổi mới và sáng tạo trong công việc

PLOA6. Thích nghi và tự định hướng bản thân và hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong bối cảnh thực hành dựa trên hệ thống.

3.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp CKII quản lý y tế có thể làm việc ở một số vị trí sau:

- Lãnh đạo các đơn vị trong hệ thống y tế (bệnh viện, trung tâm y tế)

- Lãnh đạo các khoa phòng chuyên môn

3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Chuyên khoa cấp II chuyên ngành Quản lý y tế có khả năng tự học tập và rèn luyện để nâng cao kỹ năng và kinh nghiệm. Đồng thời học viên có thể có cơ hội để học tập nâng cao văn bằng khi tham gia các chương trình đào tạo sau:

- Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý y tế

4. CHUẨN ĐẦU VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Điều kiện văn bằng: Chuyên khoa cấp I, Cao học, Bác sỹ Nội trú các chuyên ngành Quản lý y tế, Quản lý bệnh viện, Y tế công cộng, Y học dự phòng và CKI các chuyên ngành về khoa học sức khỏe.

- Chứng chỉ hành nghề: không yêu cầu
- Thâm niên công tác: Theo quy định chung của trường Y Hà Nội
- Ngoại ngữ: theo quy định chung
- Tiêu chuẩn khác: không có

5. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

Để tốt nghiệp, học viên phải hoàn thành khối lượng kiến thức toàn khóa học là 67 tín chỉ. Trong đó:

- Khối lượng kiến thức cơ bản : 7 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức cơ sở và hỗ trợ : 8 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức chuyên ngành : 40 tín chỉ.
- Khối lượng kiến thức Luận văn và thi tốt nghiệp: 12 tín chỉ

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
		Σ	LT	TH
	I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG	7	7	0
HP1	Phương pháp sư phạm lâm sàng (<i>Bắt buộc</i>)	3	3	0
HP2	Phương pháp NCKH nâng cao (<i>Bắt buộc</i>)	2	2	0
HP3	Học phần tự chọn (<i>chọn 1/3 học phần</i>)	2	2	0
-	<i>Quản lý bệnh viện</i>			

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
		Σ	LT	TH
-	<i>Dịch tễ học lâm sàng</i>			
-	<i>Thống kê và phân tích số liệu nghiên cứu nâng cao</i>			
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ, HỖ TRỢ	8	6	2
HP4	Học phần cơ sở 1: Dân số học	2	2	0
HP5	Học phần cơ sở 2: Kinh tế y tế	2	2	0
HP6	Học phần Hỗ trợ: Luật và thanh tra y tế	4	2	2
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	40	15	25
3.1	Học phần bắt buộc			
HP7	Quản lý và lập kế hoạch y tế	10	4	6
	Lập kế hoạch y tế	4	2	2
	Quản lý nguồn lực y tế	6	2	4
HP8	Quản lý chương trình/ dự án y tế	8	4	4
	Quản lý chương trình dự án y tế	4	2	2
	Quản lý chất lượng	4	2	2
HP9	Chính sách, quản lý và lãnh đạo y tế	10	4	6
	Quản lý và lãnh đạo y tế	3	1	2
	Hành vi tổ chức	4	2	2
	Chính sách Y tế	3	1	2
HP10	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	6	3	3
	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	4	2	2
	Sức khỏe toàn cầu	2	1	1
3.2	Học phần thực hành tự chọn (Chọn 1/4 học phần):	6		6
HP11	Quản lý và lập kế hoạch y tế			
	Quản lý chương trình/ dự án y tế			
	Chính sách, quản lý và lãnh đạo y tế			
	Giáo dục và nâng cao sức khỏe <i>Truyền thông tiếp thị và xử lý khủng hoảng truyền thông</i>			

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
		Σ	LT	TH
IV	TỐT NGHIỆP	12	12	0
-	Luận văn tốt nghiệp	10	10	0
-	Thi tốt nghiệp	2	2	0
	Tổng khoá học	67	40	27

Ghi chú:

- Các môn học giảm số lượng tín chỉ do quy đổi giữa học trình và tín chỉ
- Điều chỉnh nội dung của các môn chuyên ngành do giảm thời lượng giảng dạy
- Chuyển nội dung sức khỏe toàn cầu từ học phần quản lý dự án sang môn
- Chuyên ngành 4 (Giáo dục nâng cao sức khỏe) do thời lượng môn chuyên ngành không được dưới 6 tín chỉ

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

7.1. Phương pháp giảng dạy

- Giảng dạy trực tiếp trên giảng đường
- Online qua zoom (30%)

7.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

7.2.1. Đánh giá quá trình

- Bài tập thực hành
- Tham gia học tập đầy đủ

7.2.2. Đánh giá kết thúc (thi tốt nghiệp)

- Thi test tốt nghiệp
- Bảo vệ luận văn tốt nghiệp

8. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ

8.1. Đội ngũ giảng viên và trợ giảng

8.1.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
1	PGS.TS	Nguyễn Hoàng Long	Vụ KHTC	Tổ chức & Quản lý Y tế
2	PGS.TS	Nguyễn Thị Hoài Thu	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
3	TS	Trần Thị Nga	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
4	TS	Nguyễn Hữu Thắng	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
5	GS.TS	Lê Thị Hương	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
6	PGS.TS	Kim Bảo Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Giáo dục và nâng cao sức khỏe
7	PGS.TS	Nguyễn Đăng Vững	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dân số và Sức khỏe sinh sản
8	PGS.TS	Lê Minh Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
9	PGS.TS	Lê Thị Thanh Xuân	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Nghề nghiệp
10	PGS.TS	Nguyễn Quang Dũng	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
11	PGS.TS	Đỗ Thị Thanh Toàn	Viện ĐT YHDP&YTCC	NCKH và thống kê y sinh
12	PGS.TS	Trần Quỳnh Anh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
13	TS	Hoàng Thị Hải Vân	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe toàn cầu
14	TS	Phạm Bích Diệp	Viện ĐT YHDP&YTCC	Giáo dục & Nâng cao sức khỏe
15	PGS.TS	Phạm Huy Tuấn Kiệt	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
16	PGS.TS	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dân số và Sức khỏe sinh sản

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
17	PGS.TS	Trần Thị Thanh Hương	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tâm lý và Y đức học
18	PGS.TS	Khương Văn Duy	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Nghề nghiệp
19	PGS.TS	Phạm Văn Phú	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
20	PGS.TS	Ngô Văn Toàn	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
21	PGS.TS	Lê Thị Hoàn	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
22	PGS.TS	Trần Xuân Bách	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
23	TS	Nguyễn Thùy Linh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
24	TS	Trần Thơ Nhị	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tâm lý & Y đức học
25	PGS.TS	Nguyễn Ngọc Anh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Nghề nghiệp
26	TS	Nguyễn Xuân Bình Minh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
27	TS	Trần Thị Thoa	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
28	TS	Lê Vĩnh Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
29	TS	Đỗ Nam Khánh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
30	TS	Nguyễn Thị Hương Lan	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dinh dưỡng An toàn thực phẩm
31	TS	Nguyễn Thị Phương Oanh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
32	ThS.	Phùng Thanh Hùng	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
33	ThS.BSNT	Ngô Trí Tuấn	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
34	BSNT	Nguyễn Thị Hương Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
35	BSNT	Nguyễn Thị Thu Hường	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
36	BS	Bùi Hồng Ngọc	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
37	ThS	Lê Xuân Hưng	Viện ĐT YHDP&YTCC	PPNC & Thống kê Y sinh
38	ThS	Trịnh Thị Hồng Nhung	Viện ĐT YHDP&YTCC	Y tế công cộng
39	ThS	Trần Minh Hải	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
40	ThS	Lê Thị Vũ Huyền	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tâm lý & Y đức học
41	ThS	Nguyễn Thị Thu Thủy	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tâm lý & Y đức học
42	ThS	Nguyễn Trọng Tài	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
43	ThS	Tạ Hoàng Giang	Viện ĐT YHDP&YTCC	Giáo dục & Nâng cao sức khỏe
44	ThS	Văn Đình Hòa	Viện ĐT YHDP&YTCC	Dịch tễ học
45	ThS	Lưu Ngọc Minh	Viện ĐT YHDP&YTCC	PPNC & Thống kê Y sinh
46	ThS	Đinh Thái Sơn	Viện ĐT YHDP&YTCC	PPNC & Thống kê Y sinh

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
47	ThS	Nguyễn Thị Thu Hà	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tổ chức & Quản lý Y tế
48	ThS	Phạm Phương Mai	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe toàn cầu
49	ThS	An Thanh Ly	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe toàn cầu
50	ThS	Lê Vũ Thúy Hương	Viện ĐT YHDP&YTCC	Sức khỏe Môi trường
51	ThS	Đoàn Ngọc Thủy Tiên	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
52	ThS	Nguyễn Lê Tuấn Anh	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
53	ThS	Nguyễn Thị Diễm Hương	Viện ĐT YHDP&YTCC	Giáo dục & Nâng cao sức khỏe
54	ThS	Nguyễn Thị Hồng Thắng	Viện ĐT YHDP&YTCC	Tâm lý & Y đức học
55	ThS	Lê Đình Luyến	Viện ĐT YHDP&YTCC	Kinh tế Y tế
56	ThS	Phan Thanh Hải	Viện ĐT YHDP&YTCC	NCKH & Thống kê Y sinh
57	ThS	Lê Thanh Huyền	Viện ĐT YHDP&YTCC	Y tế công cộng

(Lưu ý: Ths, BSNT thì chỉ được trợ giảng, hoặc hướng dẫn thực hành cho học viên SDH)

8.1.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng (không quá 50% tổng số giảng viên)

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
1	TS	Trần Thị Mai Oanh	Viện Chiến lược và Chính sách Y tế	QLYT
2	TS	Nguyễn Hồng Sơn	Vụ TCCB, Bộ Y tế	QLYT
3	PGS.TS	Nguyễn Tuấn Hưng	Vụ TCCB, Bộ Y tế	QLYT
4	PGS.TS	Lương Ngọc Khuê	Cục QLKCB, Bộ Y tế	QLYT
5	TS	Phạm Quốc Hùng	Viện Dân số, Sức khỏe và Phát triển	YTCC/YHDP

TT	Học hàm/ học vị	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên môn
6	PGS.TS	Nguyễn Thị Thi Thơ	Viện VSDT TW	YTCC/YHDP
7	TS	Đặng Đức Hoàn	Bệnh viện Đa khoa Sơn Tây	QLBV
8	PGS. TS	Lương Mai Anh	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
9	TS	Nguyễn Văn Công	Ban Bảo vệ, Chăm sóc Sức khỏe Cán bộ Trung ương	YTCC/YHDP
10	TS	Nguyễn Công Luật	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	DTH
11	TS	Nguyễn Thành Chung	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	DTH
14	TS	Vũ Trọng Dược	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	DTH
15	TS	Lê Thị Thanh Hương	Bệnh viện Tim Hà Nội	YTCC/YHDP
16	PGS.TS	Dương Thị Hồng	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	DTH
17	PGS.TS	Phan Thị Thu Hương	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
18	PGS.TS	Trần Thị Giáng Hương	Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)	YTCC/YHDP
19	TS	Dương Huy Lương	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
20	TS	Nguyễn Đức Khoa	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
21	TS	Trần Văn Sơn	Bộ Y tế	YTCC/YHDP
22	TS	Phạm Quang Thái	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	DTH
23	TS	Dương Công Thành	Văn phòng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hoa Kỳ tại Hà Nội	YTCC/YHDP
24	PGS.TS	Lê Thị Phương Mai	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	DTH

8.2. Đội ngũ nhân lực hỗ trợ

Viện có hệ thống các phòng chức năng: Phòng Đào tạo-Nghiên cứu khoa học-Hợp tác Quốc tế, Phòng Tổ chức-Hành chính-Quản trị, Phòng Tài chính Kế toán và các Trung tâm Nghiên cứu Đào tạo và Chăm sóc Sức khỏe cộng đồng, Labo trung tâm.

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

9.1. Điều kiện và cơ sở giảng dạy, học tập của Viện/Khoa/Bộ môn

9.1.1. Học lý thuyết (Liệt kê các địa điểm giảng dạy lý thuyết)

- Giảng đường đại học Y Hà Nội

- **Các bộ môn, giảng đường của Viện tại:** Nhà A7, Trường Đại học Y Hà Nội, số 1 Tôn Thất Tùng, Hà Nội

9.1.2. Học thực hành (Liệt kê các địa điểm/Bệnh viện học thực hành)

- Giảng đường đại học Y Hà Nội

- Giảng đường Viện Đào tạo YHDP và YTCC

- Phòng Kế hoạch tổng hợp, Tổ chức cán bộ, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng Quản lý chất lượng, bộ phận chăm sóc khách hàng, phòng công nghệ thông tin của các bệnh viện và trung tâm y tế.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội (CDC Hà Nội)

9.2. Đồ dùng, trang thiết bị và công nghệ dạy học

- Máy tính, màn chiếu, màn chiếu thông minh, bàn ghế,... phục vụ học tập

- Thư viện số Viện Đào tạo YHDP & YTCC

- Các dụng cụ, máy móc tại Labo trung tâm

- Máy tính tại phòng máy

9.3. Học liệu

9.3.1. Tài liệu học tập chính

- Trường Đại học Y Hà Nội (2008), Tài liệu Quản lý Dự án.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2002), Bài giảng quản lý và chính sách y tế (Giáo trình dùng cho đối tượng SDH. BM Tổ chức và Quản Y tế, Viện ĐT YHDP & YTCC, Trường Đại học Y Hà Nội)

- Trường Đại học Y Hà Nội (2022). Quản lý bệnh viện (giáo trình dành cho đối tượng sau đại học) đã thẩm định.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2015). Quản trị bệnh viện (giáo trình dành cho đối tượng sau đại học) Nhà xuất bản Y học.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2015). Quản lý và Lãnh đạo. Nhà xuất bản Y học.

- Trường Đại học Y tế công cộng (2015). Quản lý Nhân lực y tế. Nhà xuất bản Y học.

- Phạm Trí Dũng (2011). Nguyên lý Quản lý. Nhà xuất bản Lucky House.

- Xây dựng và triển khai các Dự án y tế (2005) Bộ Y tế, NXB Y học.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ biên: Mai Hồng Quỳ, Giáo trình Pháp luật đại cương, NXB Đại học Sư phạm, năm 2015.
- Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đào Trí Úc - Hoàng Thị Kim Quế, Giáo trình Đại cương về Nhà nước và Pháp luật, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2017
- Nhà xuất bản Y học/2019 Phương pháp nghiên cứu trong y sinh học | Tập 1 - Lập kế hoạch nghiên cứu (Sách đào tạo sau đại học) Giáo trình
- Nhà xuất bản Y học/2020 Phương pháp nghiên cứu trong y sinh học | Tập 2 - Một số lưu ý khi lập kế hoạch nghiên cứu cho từng lĩnh vực cụ thể (Giáo trình đào tạo sau đại học) Giáo trình
- Trường Đại học Y Hà Nội (2020). Truyền Thông và Nâng cao sức khỏe - Sách đào tạo Sau đại học – Nhà xuất bản Y học
- Phạm Thị Minh Đức (2022), Sư phạm y học thực hành, NXB Giáo dục Việt Nam
- Lê Thu Hòa, Nguyễn Văn Tường (2016), Phương pháp dạy-học lâm sàng (dành cho các lớp tập huấn phương pháp dạy-học lâm sàng của ngành y tế), NXB Y học
- Phạm Thị Minh Đức (2022), Phương pháp dạy-học lâm sàng trong đào tạo khối ngành sức khỏe, NXB Y học

9.4.2. Tài liệu tham khảo

- World Health Organization. (2016). Strategizing national health in the 21st century: a handbook. World Health Organization. <https://apps.who.int/iris/handle/10665/250221>
- Utarini, A., Schmidt-Ehry, G., and Hill, P. (2009). *Hospital Management Training: New ways to improve services in Indonesia*. Jakarta, Indonesia: GTZ (Gesellschaft für Technische Zusammenarbeit).
- Swayne LF, Duncan WJ and Ginter PM (2006). *Strategic Management of Health Care Organizations*. Malden: Blackwell Publishing.
- Trisnantoro L (2005). *Aspek Strategis Manajemen Rumah Sakit*. Yogyakarta: Andi Offset.
- WHO, 2010 monitoring the building blocks of health systems: a handbook of indicators and their measurement strategies
- Trường Đại học Y tế công cộng (2018). Quản lý nguồn nhân lực y tế.

- Trường Đại học Y tế công cộng (2016). Quản lý dành cho lãnh đạo bệnh viện, Nhà xuất bản lao động. Viện Đào tạo YHDP và YTCC (2011), Y học dự phòng và Y tế công cộng – Thực trạng và định hướng ở Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.
- Bộ Y tế (2014) Tài liệu đào tạo liên tục Quản lý chất lượng bệnh viện. <http://asttmoh.vn/wp-content/uploads/2015/06/b2.-TAI-LIEU-QLCL.pdf>
- Hoàng Văn Minh, Phương pháp nghiên cứu can thiệp (2019) Thiết kế và phân tích thống kê. Nhà Xuất bản Y học
- Nguyễn Đức Hình, Lê Thu Hòa (2021), Giáo trình Kỹ năng Y khoa, NXB Y học
- Nguyễn Đức Hình, Lê Thu Hòa (2013), Bài giảng dạy-học qua tình huống, NXB Y học
- Robert W. Fletcher & Suzanne W. Fletcher (2005). Clinical Epidemiology: The Essentials (Fourth Edition)
- Diederick E. Grobbee & Arno W. Hoes (2015). Clinical Epidemiology: Principle, Methods, and Applications for Clinical Research (Second Edition).
- Nguyễn Văn Tuấn, Y học Thực chứng, nhà xuất bản Y học, 2015.
- Đặng Đức Hậu, Xác suất Thống kê (dùng cho đào tạo BSDK), Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Giáo dục, 2013.
- Hoàng Văn Minh, Thực hành quản lý và phân tích số liệu trong nghiên cứu khoa học y học, Nhà xuất bản Y học, 2009.
- Lưu Ngọc Hoạt, Thống kê-Tin học ứng dụng trong nghiên cứu y học, NXB Y học, 2008.
- Population and development review, 2009.
- Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách.
- Overview of internal migration in Vietnam (<https://bangkok.unesco.org/sites/default/files/assets/article/Social%20and%20Human%20Sciences/publications/vietnam.pdf>)
- The 2015 national internal migration survey: Major findings (https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/PD_Migration%20Booklet_ENG_printed%20in%202016.pdf)
- Báo cáo phát triển con người của Liên hợp quốc hàng năm
- Sloman, J and Wride, A. ed., (2009). *Economics*. 7th ed. London: Prentice Hall

Mankiw, N. (n.d) *Principle of Microeconomics*. 5th ed. Mason: South-Western

- Atkins L, Francis J, Islam R, et al. A guide to using the Theoretical Domains Framework of behaviour change to investigate implementation problems. *Implementation Science*. 2017;12(1):77. doi:10.1186/s13012-017-0605-9
- Hwang S, Birken SA, Melvin CL, Rohweder CL, Smith JD. Designs and methods for implementation research: Advancing the mission of the CTSA program. *J Clin Transl Sci*. 4(3):159-167. doi:10.1017/cts.2020.16
- Koh S, Lee M, Brotzman LE, Shelton RC. An orientation for new researchers to key domains, processes, and resources in implementation science. *Translational Behavioral Medicine*. 2020;10(1):179-185. doi:10.1093/tbm/iby095
- Lane-Fall MB, Curran GM, Beidas RS. Scoping implementation science for the beginner: locating yourself on the “subway line” of translational research. *BMC Medical Research Methodology*. 2019;19(1):133. doi:10.1186/s12874-019-0783-z
- Lobb R, Colditz GA. Implementation Science and Its Application to Population Health. *Annual Review of Public Health*. 2013;34(1):235-251. doi:10.1146/annurev-publhealth-031912-114444
- McKibbin KA. Evidence-based practice. *Bull Med Libr Assoc*. 1998;86(3):396-401.
- Miller CJ, Barnett ML, Baumann AA, Gutner CA, Wiltsey-Stirman S. The FRAME-IS: a framework for documenting modifications to implementation strategies in healthcare. *Implementation Sci*. 2021;16(1):36. doi:10.1186/s13012-021-01105-3
- Palinkas LA, Aarons GA, Horwitz S, Chamberlain P, Hurlburt M, Landsverk J. Mixed Method Designs in Implementation Research. *Adm Policy Ment Health*. 2011;38(1):44-53. doi:10.1007/s10488-010-0314-z
- Powell BJ. Improving Methods for Designing and Tailoring Implementation Strategies. :17.
- Powell BJ. Optimizing Implementation Strategies to Improve the Quality of Health Services. :42.
- Powell BJ, Fernandez ME, Williams NJ, et al. Enhancing the Impact of Implementation Strategies in Healthcare: A Research Agenda. *Frontiers in Public Health*. 2019;7:3. doi:10.3389/fpubh.2019.00003

10. MA TRẬN LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kiến thức và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra: Kiến thức (PLOK)		
	PLOK1	PLOK2	PLOK3
MT1	3	3	2
MT2	3	2	2
MT3	3	1	2
MT4	3	1	2
MT5	3	2	2
MT6	3	3	2

10.2. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Kỹ năng và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra: Kỹ năng (PLOS)								
	PLOS1	PLOS2	PLOS3	PLOS4	PLOS5	PLOS6	PLOS7	PLOS8	PLOS9
MT1	3	3	3	3	1	2	2	2	2
MT2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
MT3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
MT4	3	3	3	2	1	3	3	3	3
MT5	3	3	3	3	3	3	3	3	3
MT6	3	3	3	3	3	3	3	3	3

10.3. Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra: Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (PLOA)		
	PLOA1	PLOA2	PLOA3
MT1	2	2	2
MT2	2	2	2
MT3	2	2	2
MT4	2	2	2
MT5	2	2	2
MT6	2	2	2

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Tiến trình đào tạo)

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình	
		Σ	LT	TH	Năm 1	Năm 2
	I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG	7	7	0		
HP1	Phương pháp sư phạm lâm sàng (<i>Bắt buộc</i>)	3	3	0	x	
HP2	Phương pháp NCKH nâng cao (<i>Bắt buộc</i>)	2	2	0	x	
HP3	Học phần tự chọn (<i>chọn 1/3 học phần</i>)	2	2	0	x	
-	<i>Quản lý bệnh viện</i>					
-	<i>Dịch tễ học lâm sàng</i>					
-	<i>Thống kê và phân tích số liệu nghiên cứu nâng cao</i>					
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ, HỖ TRỢ	8	6	2	x	
HP4	Học phần cơ sở 1: Dân số học	2	2	0	x	
HP5	Học phần cơ sở 2: Kinh tế y tế	2	2	0	x	
HP6	Học phần Hỗ trợ: Luật và thanh tra y tế	4	2	2	x	
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	40	15	25		
3.1	Học phần bắt buộc					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình	
		Σ	LT	TH	Năm 1	Năm 2
HP7	Quản lý và lập kế hoạch y tế	10	4	6	x	
	Lập kế hoạch y tế	4	2	2		
	Quản lý nguồn lực y tế	6	2	4		
HP8	Quản lý chương trình/ dự án y tế	8	2	6		x
	Quản lý chương trình dự án y tế	4	2	2		
	Quản lý chất lượng	4	2	2		
HP9	Chính sách, quản lý và lãnh đạo y tế	10	4	6		x
	Quản lý và lãnh đạo y tế	3	1	2		
	Hành vi tổ chức và tâm lý học lãnh đạo	4	2	2		
	Chính sách Y tế	3	1	2		
HP10	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	6	3	3		x
	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	4	2	2		
	Sức khỏe toàn cầu	2	1	1		
3.2	Học phần tự chọn (Chọn 1/4 học phần):	6		6		x
HP11	Quản lý và lập kế hoạch y tế					
	Quản lý chương trình/ dự án y tế					
	Chính sách, quản lý và lãnh đạo y tế					
	Giáo dục và nâng cao sức khỏe (Truyền thông tiếp thị và xử lý khủng hoảng truyền thông)					
IV	TỐT NGHIỆP	12	12	0		x
-	Luận văn tốt nghiệp	10	10	0		
-	Thi tốt nghiệp	2	2	0		
	Tổng khoá học	67	40	27		

12. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KÈM THEO BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đề cương chi tiết học phần: Phương pháp sư phạm lâm sàng
2. Đề cương chi tiết học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học
3. Đề cương chi tiết học phần: Dịch tễ học lâm sàng
4. Đề cương chi tiết học phần: Quản lý bệnh viện
5. Đề cương chi tiết học phần: Thống kê và phân tích số liệu nghiên cứu nâng cao
6. Đề cương chi tiết học phần Cơ sở 1: Dân số học
7. Đề cương chi tiết học phần Cơ sở 2: Kinh tế y tế
8. Đề cương chi tiết học phần Hỗ trợ: Luật và thanh tra y tế
9. Đề cương chi tiết học phần: Quản lý và lập kế hoạch y tế
10. Đề cương chi tiết học phần: Quản lý chương trình/dự án y tế
11. Đề cương chi tiết học phần: Chính sách, quản lý và lãnh đạo y tế
12. Đề cương chi tiết học phần: Giáo dục và nâng cao sức khỏe